VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44/2017/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2017*

THÔNG TƯ

Quy định về mẫu hồ sơ yêu cầu và hồ sơ mời thầu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn được đầu tư bằng vốn nhà nước

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về mẫu hồ sơ yêu cầu và hồ sơ mời thầu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn được đầu tư bằng vốn nhà nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về mẫu hồ sơ yêu cầu và hồ sơ mời thầu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn được đầu tư bằng vốn nhà nước.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đấu thầu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn được đầu tư bằng vốn nhà nước.

Điều 2. Các mẫu hồ sơ sử dụng trong đấu thầu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn được đầu tư bằng vốn nhà nước

1. Mẫu hồ sơ yêu cầu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này bao gồm:

a) Phần thứ nhất - Chỉ dẫn đối với nhà thầu;

b) Phần thứ hai - Điều kiện và mẫu hợp đồng cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn quy định tại Phụ lục III của Thông tư này.

2. Mẫu hồ sơ mời thầu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này bao gồm:

a) Phần thứ nhất - Chỉ dẫn đối với nhà thầu;

b) Phần thứ hai - Điều kiện và mẫu hợp đồng cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn quy định tại Phụ lục III của Thông tư này.

Điều 3. Quy định áp dụng mẫu hồ sơ trong đấu thầu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn được đầu tư bằng vốn nhà nước

1. Áp dụng mẫu hồ sơ trong lựa chọn nhà thầu thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn được đầu tư bằng vốn nhà nước như sau:

a) Mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng trong trường hợp lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu;

b) Mẫu hồ sơ mời thầu áp dụng trong trường hợp lựa chọn nhà thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế;

c) Mẫu Hợp đồng cho thuê áp dụng đối với tất cả các trường hợp chỉ định thầu, đấu thầu rộng rãi và đấu thầu hạn chế.

2. Các mẫu văn bản ban hành kèm theo Thông tư này mang tính hướng dẫn, minh họa và sẽ được người sử dụng cụ thể hóa trên cơ sở quy mô, tính chất của gói thầu.

3. Khi áp dụng các mẫu văn bản ban hành kèm theo Thông tư này, các cơ quan, tổ chức và cá nhân căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để đưa ra các yêu cầu cụ thể phù hợp theo quy định hiện hành và đảm bảo tính khả thi.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

2. Bãi bỏ Thông tư số 01/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 01 năm 2014 quy định chi tiết về mẫu hồ sơ yêu cầu và hồ sơ mời thầu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng được đầu tư bằng vốn nhà nước.

3. Đối với Hợp đồng đã ký thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì vẫn tiếp tục thực hiện cho đến khi hết hiệu lực của Hợp đồng.

4. Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn được đầu tư bằng các nguồn vốn khác do chủ đầu tư tự quyết định áp dụng quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Thông tư này và kịp thời báo cáo Bộ Giao thông vận tải những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để xem xét, giải quyết kịp thời.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

Phụ lục I

MẪU HỒ SƠ YÊU CẦU

CHO THUÊ KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG BẾN CẢNG/CẦU CẢNG/CẢNG CẠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2017/TT-BGTVT ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải)

HỒ SƠ YÊU CẦU
CHO THUÊ KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG
BẾN CẢNG/CẦU CẢNG/CẢNG CẠN

Gói thầu:..... (ghi tên gói thầu)
Chủ đầu tư:..... (ghi tên chủ đầu tư)
Bên mời thầu:..... (ghi tên Bên mời thầu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của tư vấn lập HSYC (nếu có) *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*	**Đại diện hợp pháp của bên mời thầu** *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

BÊN MỜI THẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

THƯ MỜI NỘP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Kính gửi:.....

[Bên mời thầu] có kế hoạch tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Luật Đấu thầu cho Gói thầu *[..... Lựa chọn bên thuê khai thác Bến cảng/Cầu cảng/Cảng cạn.....]* thuộc Dự án *[.....]*, theo hình thức chỉ định thầu.

[Bên mời thầu] mời nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm nộp Hồ sơ đề xuất đối với công việc *[khai thác Bến cảng/Cầu cảng/Cảng cạn.....]* thuộc Dự án *[.....]* Nhà thầu quan tâm đến gói thầu tìm hiểu thông tin chi tiết và mua Hồ sơ yêu cầu tại:

+ Địa chỉ:.....

+ Điện thoại:.....

+ Fax:.....

+ Email:.....

Thời gian phát hồ sơ yêu cầu từ:.... giờ... ngày.... tháng... năm.... (giờ làm việc hành chính).

Thời gian nộp Hồ sơ đề xuất chậm nhất trước... giờ.... (giờ Việt Nam) ngày.... tháng.... năm....

Nhà thầu có Hồ sơ đề xuất đáp ứng yêu cầu sẽ được chọn để mời đến thương thảo thực hiện gói thầu trên.

[Bên mời thầu] kính mời đại diện của Nhà thầu nhận hồ sơ yêu cầu và nộp hồ sơ đề xuất vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng!

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI THẦU
(Ký tên, đóng dấu)

MỤC LỤC

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Phần thứ nhất. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Chương I. GIỚI THIỆU DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

Chương II. YÊU CẦU VỀ CHỈ ĐỊNH THẦU

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

Mẫu số 1

Mẫu số 2

Mẫu số 3

Mẫu số 4

Mẫu số 5

Mẫu số 6

Mẫu số 7

Mẫu số 8

Mẫu số 9

Mẫu số 10

Mẫu số 11

Mẫu số 12

Mẫu số 13

Mẫu số 14

Phần thứ hai

ĐIỀU KIỆN VÀ MẪU CỦA HỢP ĐỒNG THUÊ KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG BẾN CẢNG/CẦU CẢNG/CẢNG CẠN

Chương V. ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG THUÊ

Mục 1. CÁC ĐIỀU KIỆN BẮT BUỘC CỦA HỢP ĐỒNG THUÊ

Mục 2. CÁC ĐIỀU KIỆN KHUYẾN KHÍCH CỦA HỢP ĐỒNG THUÊ

Chương VI. MẪU HỢP ĐỒNG THUÊ

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định số 58/2017/NĐ-CP	Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải
Nghị định số 38/2017/NĐ-CP	Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn
Nghị định số 63/2014/NĐ-CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu
VND	Đồng Việt Nam

Phần thứ nhất
CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Chương I
GIỚI THIỆU DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

Chương này giới thiệu khái quát thông tin về dự án và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án, quy mô của dự án, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin cần thiết khác.

1. Giới thiệu về dự án

a) Dự án:

- Tên dự án.....

- Chủ đầu tư.....

- Quyết định đầu tư.....

b) Địa điểm xây dựng

- Vị trí.....

- Địa điểm của hạ tầng kỹ thuật hiện có.....

c) Quy mô xây dựng

- Loại công trình và chức năng

- Quy mô và các đặc điểm khác

2. Giới thiệu về gói thầu

a) Tên gói thầu.....

b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.....

c) Tên tổ chức cho thuê.....

d) Danh mục và đặc tính kỹ thuật tài sản cho thuê (Bảng 1)

Bảng 1. Danh mục tài sản cho thuê (theo phương án cho thuê được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

TT	Hạng mục	Mô tả	Đơn vị	Khối lượng
1	Cơ sở hạ tầng (cầu cảng, sân bãi, nhà kho...)			

TT	Hạng mục	Mô tả	Đơn vị	Khối lượng
2	Dịch vụ tiện ích (điện, liên lạc, chiếu sáng, cấp nước, cứu hỏa, thoát nước...)			
3	Cơ sở hạ tầng khác			
4	Thiết bị (nếu có)			
...				

đ) Công trình công cộng (luồng hàng hải, hệ thống báo hiệu...)

e) Các loại hình dịch vụ trong cảng

- Hoa tiêu;
- Dịch vụ lai dắt;
- Kiểm đếm và đo lường hàng hóa;
- Cung cấp nước sạch và nhiên liệu;
- An ninh cảng.

g) Các loại hình dịch vụ ngoài cảng

- Thu gom rác;
- Phòng cháy chữa cháy;
- Cứu hộ tràn dầu/hóa chất/ô nhiễm;
- Cấp điện.

h) Điều kiện sử dụng bến cảng/cầu cảng/cảng cạn

i) Giá trị tài sản cho thuê

k) Thời hạn cho thuê

l) Giá cho thuê

Chương II
YÊU CẦU VỀ CHỈ ĐỊNH THẦU

Mục 1. Nội dung chỉ định thầu

1. Bên mời thầu..... *[Ghi tên và địa chỉ bên mời thầu]* mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]* thuộc dự án..... *[Ghi tên dự án được duyệt]*.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng là:..... năm *[Ghi thời gian cụ thể theo phương án cho thuê khai thác được duyệt],* được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Mục 2. HSYC và giải thích, làm rõ, sửa đổi HSYC

1. HSYC bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSYC này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSYC để chuẩn bị HSĐX thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Trường hợp nhà thầu muốn được giải thích, làm rõ HSYC thì phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX 03 ngày làm việc (đối với đấu thầu trong nước) và 05 ngày làm việc (đối với đấu thầu quốc tế).

3. Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là_____ *[Ghi số ngày cụ thể, tối thiểu 03 ngày làm việc. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định này, bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC]* trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 3. Yêu cầu về máy móc, thiết bị khai thác trong thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn

1. Bên thuê có trách nhiệm mua sắm, điều chuyển, lắp đặt và đưa vào thử nghiệm vận hành các thiết bị của Bên thuê, thiết bị bổ sung cũng như việc thi công cơ sở vật chất của Bên thuê theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Các thiết bị của Bên thuê, thiết bị bổ sung và cơ sở vật chất của Bên thuê phải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và phải được duy tu, bảo dưỡng đảm bảo điều kiện khai thác tốt trong thời hạn cho thuê nhằm đạt năng suất cao.

3. Sau khi Bên thuê hoàn thành việc lắp đặt và vận hành thử, Bên cho thuê có quyền kiểm tra và xác nhận bằng văn bản việc lắp đặt và vận hành thử nghiệm thiết bị và cơ sở vật chất của Bên thuê phù hợp với thiết kế của cảng.

Mục 4. Khảo sát hiện trường

1. Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường phục vụ việc lập HSĐX. Bên mời thầu tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSĐX thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác.

Mục 5. Chuẩn bị HSĐX

1. Ngôn ngữ sử dụng

HSĐX cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc chỉ định thầu được sử dụng bằng..... *[ghi ngôn ngữ sử dụng]*.

2. HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

a) Đơn đề xuất chỉ định thầu theo quy định tại Mục 6 Chương này;

b) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 7 Chương này;

c) Đề xuất phương án khai thác theo quy mô, tính chất của gói thầu và các quy định tại Mục 8 Chương này;

d) Giá đề xuất chỉ định thầu theo quy định tại Mục 9 Chương này;

đ) Các tài liệu khác (nếu có).

Mục 6. Đơn đề xuất chỉ định thầu

Đơn đề xuất chỉ định thầu do nhà thầu chuẩn bị và được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương IV, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương IV của HSYC).

Trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, nhà thầu cần gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, cụ thể như sau:..... *[Ghi cụ thể văn bản pháp lý mà nhà thầu phải gửi để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền như bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh... đã được chứng thực]*.

Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất chỉ định thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn đề xuất chỉ định thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập.

Mục 7. Tư cách hợp lệ và tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

1. Nhà thầu được coi là có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 Luật Đấu thầu và Điều 31 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Điều 30 Nghị định số 38/2017/NĐ-CP.

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:

a) Đối với nhà thầu độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:..... *[Nêu yêu cầu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 5 Luật Đấu thầu, Điều 31 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Điều 30 Nghị định số 38/2017/NĐ-CP, ví dụ như bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh...].*

b) Đối với nhà thầu liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a khoản này đối với từng thành viên trong liên danh;

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Chương IV.

3. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:

Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu được liệt kê theo các Mẫu số 4, 6, 7, 8, 9, 10 Chương IV của HSYC. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu liên danh là tổng năng lực và kinh nghiệm của các thành viên trong liên danh.

4. Việc sử dụng lao động nước ngoài[(1)]:

Nhà thầu kê khai trong HSĐX số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của cán bộ kỹ thuật, chuyên gia nước ngoài huy động để thực hiện gói thầu nếu cần thiết theo Mẫu số 5 Chương IV của HSYC. Nhà thầu không được sử dụng lao động nước ngoài thực hiện công việc mà lao động trong nước có khả năng thực hiện và đáp ứng yêu cầu của gói thầu, đặc biệt là lao động phổ thông, lao động không qua đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ. Lao động nước ngoài phải có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về lao động.

Mục 8. Đề xuất phương án khai thác trong HSĐX

Nhà thầu đề xuất phương án khai thác gói thầu hiệu quả phù hợp với khả năng của mình theo quy mô, tính chất của gói thầu và phải thể hiện được các nội dung sau đây:

a) Phương án xây dựng bộ máy tổ chức vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng/cầu cảng/cảng cạn; kế hoạch sử dụng nhân lực, lao động;

b) Phương án huy động thiết bị;

c) Kế hoạch bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị, công nghệ và toàn bộ cơ sở vật chất của kết cấu hạ tầng bến cảng/cầu cảng/cảng cạn mà bên cho thuê bàn giao trong trường hợp trúng thầu;

---

(1) Chỉ quy định khoản này khi gói thầu có yêu cầu về sử dụng lao động nước ngoài.

d) Phương án huy động vốn, thanh toán nếu trúng thầu;

đ) Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự phù hợp (đáp ứng) của máy móc, thiết bị đưa vào khai thác theo quy định tại Mục 3 Chương này;

e) Các nội dung đề xuất khác theo yêu cầu của HSYC.

Mục 8. Giá đề xuất chỉ định thầu

1. Giá đề xuất chỉ định thầu là giá do nhà thầu nêu trong đơn đề xuất chỉ định thầu thuộc HSĐX. Trường hợp nhà thầu có thư điều chỉnh giá thì có thể nộp cùng với HSĐX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX.

2. Giá đề xuất chỉ định thầu được chào bằng..... *[ghi rõ đơn vị tiền tệ]*.

[Ghi đồng tiền dự thầu. Tùy theo yêu cầu của gói thầu mà quy định việc cho phép và điều kiện áp dụng để nhà thầu chào theo một hoặc một số đồng tiền khác nhau, ví dụ: VND, USD... Trường hợp cho phép chào bằng ngoại tệ thì phải yêu cầu nhà thầu chứng minh được nội dung công việc sử dụng ngoại tệ kèm theo bản liệt kê chi tiết nội dung công việc và giá trị ngoại tệ tương ứng, song phải đảm bảo nguyên tắc một đồng tiền cho một khối lượng cụ thể; các loại chi phí trong nước phải được chào thầu bằng đồng Việt Nam].

3. Giá đề xuất tính trên cơ sở quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Điều 29 Nghị định số 38/2017/NĐ-CP. Đơn giá đề xuất bao gồm các yếu tố..... *[Nêu các yếu tố cấu thành đơn giá đề xuất như khấu hao tài sản, tiền trả nợ vay và lãi vay, chi phí phục vụ khai thác...]*

4. Phân tích đơn giá đề xuất theo yêu cầu sau[(2)]:..... *[Nêu yêu cầu phân tích đơn giá như cách tính tỷ lệ khấu hao hàng năm, tiền trả nợ vay và lãi vay, dự báo sản lượng hàng hóa, dự báo doanh thu...]*.

Mục 9. Thời gian có hiệu lực của HSĐX

Thời gian có hiệu lực của HSĐX phải đảm bảo theo yêu cầu là..... ngày, kể từ thời điểm hết hạn nộp HSĐX *[Ghi rõ số ngày căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nhưng không được quy định quá 180 ngày]*.

Mục 10. Quy cách của HSĐX và chữ ký trong HSĐX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và..... bản chụp HSĐX *[ghi rõ số lượng yêu cầu nhưng không quá 05 bản]*, ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng.

---

(2) *Chỉ quy định khoản này khi yêu cầu nhà thầu phân tích đơn giá đề xuất.*

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản gốc và bản chụp. Trong quá trình đánh giá, nếu bên mời thầu phát hiện bản chụp có lỗi kỹ thuật như chụp nhòe, không rõ chữ, chụp thiếu trang, có nội dung sai khác so với bản gốc hoặc các lỗi khác thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở.

2. HSĐX phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn đề xuất chỉ định thầu, thư điều chỉnh giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX và các biểu mẫu phải được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký, đóng dấu theo hướng dẫn tại Chương III của HSYC. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSĐX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

Mục 11. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSĐX

HSĐX phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định). Trên túi đựng HSĐX nhà thầu ghi rõ các thông tin về tên, địa chỉ, điện thoại của nhà thầu, tên gói thầu, “bản gốc” hoặc “bản chụp”.

Mục 12. Thời hạn nộp HSĐX

1. HSĐX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX:..... giờ ngày..... tháng..... năm..... *[Ghi thời điểm hết hạn nộp HSĐX căn cứ gói thầu]*.

2. Trường hợp nhà thầu cần gia hạn thời hạn nộp HSĐX, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu trước thời điểm hết hạn nộp HSĐX trong giờ hành chính để bên mời thầu xem xét, quyết định.

Mục 13. Đánh giá HSĐX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo quy định tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

2. Trong quá trình đánh giá HSĐX, bên mời thầu được mời nhà thầu đến giải thích, làm rõ, sửa đổi, bổ sung các thông tin cần thiết của HSĐX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu nhằm chứng minh sự đáp ứng yêu cầu của HSYC về năng lực,

kinh nghiệm, tiến độ, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện và các nội dung cần thiết khác.

Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính của nhà thầu, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng chỉ định thầu

Nhà thầu được đề nghị trúng chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSĐX hợp lệ.

2. Đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của HSYC căn cứ theo TCĐG.

3. Có đề xuất về phương án khai thác được đánh giá là đáp ứng yêu cầu của HSYC căn cứ theo TCĐG.

4. Giá đề nghị chỉ định thầu sau đàm phán không thấp hơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phương án cho thuê.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn____ *[Ghi số ngày, tối đa là 05 ngày làm việc]* sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng đến nhà thầu được chỉ định thầu.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì chủ đầu tư sẽ không tiến hành ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và mời nhà thầu khác đến nhận HSYC.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được chỉ định thầu phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với nội dung và yêu cầu như quy định tại Điều kiện cụ thể của hợp đồng. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSYC này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham dự thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII Nghị định 63/CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư:_____ *[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ];*

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền:_____ *[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ];*

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn:___ *[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ].*

Mục 19. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau:_____ *[Ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của tổ chức, cá nhân được người có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu của gói thầu/dự án (nếu có)].*

Chương III
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Chương này bao gồm TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, TCĐG về phương án khai thác. TCĐG dưới đây chỉ mang tính hướng dẫn. Khi soạn thảo nội dung này cần căn cứ theo quy mô và tính chất gói thầu mà quy định cho phù hợp. TCĐG phải công khai trong HSYC. Trong quá trình đánh giá HSĐX phải tuân thủ TCĐG nêu trong HSYC, không được thay đổi, bổ sung bất kỳ nội dung nào.

Mục 1. TCĐG về kỹ thuật

Các TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí "đạt", "không đạt". Nhà thầu phải "đạt" cả 3 nội dung nêu tại các khoản 1, 2 và 3 trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Các khoản 1, 2 và 3 chỉ được đánh giá "đạt" khi tất cả nội dung chi tiết trong từng điểm được đánh giá là "đạt".

TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
I	**Năng lực của nhà thầu**	
1	Năng lực tài chính	
a	Doanh thu hàng năm trong..... năm gần đây	
b	Tình hình tài chính - Số năm nhà thầu hoạt động không bị lỗ trong thời gian yêu cầu về báo cáo tình hình tài chính theo điểm a khoản này - Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn *Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn cho thấy khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp là cao hay thấp. Nợ ngắn hạn là những khoản nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán trong vòng một năm hay một chu kỳ kinh doanh. Hệ số này được tính bằng công thức:*	

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn = tài sản ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn *Khi đánh giá, chỉ đánh giá hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của năm cuối cùng trong các năm tài chính gần đây theo yêu cầu của HSYC.* *Yêu cầu về hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn phải quy định > 1.* *Trường hợp doanh nghiệp không có nợ ngắn hạn phải trả thì doanh nghiệp đó được coi là đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính đối với chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.* - Giá trị ròng *Giá trị ròng (vốn chủ sở hữu) cho biết tình hình hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp, tính bằng công thức:* *Giá trị ròng = Tổng tài sản - tổng nợ phải trả* *Thông thường quy định mức tối thiểu là giá trị ròng phải dương*	
c	Kế hoạch cấp vốn	
2	Năng lực kỹ thuật	
a	Kinh nghiệm khai thác cảng và số năm kinh nghiệm	
b	Nhân sự chủ chốt	
c	Thiết bị sẵn có của nhà thầu	
II	**Các yêu cầu khác (nếu có)**	

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kế hoạch kinh doanh hoặc phương án khai thác

Áp dụng TCĐG theo tiêu chí "đạt", "không đạt".

Căn cứ tính chất của gói thầu để xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các nội dung yêu cầu cơ bản, chỉ sử dụng tiêu chí "đạt", "không đạt".

Đối với các nội dung yêu cầu không cơ bản, ngoài tiêu chí "đạt", "không đạt", được áp dụng thêm tiêu chí "chấp nhận được" nhưng không được vượt quá 30% tổng số các nội dung yêu cầu trong TCĐG.

(Nội dung yêu cầu cơ bản và không cơ bản sẽ được quy định cụ thể cho từng gói thầu)

HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là "đạt", các nội dung yêu cầu không cơ bản được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được".

TCĐG về kế hoạch kinh doanh hoặc phương án khai thác của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

TT	**Nội dung yêu cầu**	**Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)**
1	**Đối với bến cảng, cầu cảng**	
1.1	Dự báo đội tàu và hàng hóa	
a	Phương pháp dự báo đội tàu đến cảng	
b	Phương pháp dự báo khối lượng hàng hóa	
1.2	Chiến lược marketing	
a	Chiến lược thu hút các hãng tàu đến cảng	
b	Chiến lược giữ vững các khách hàng truyền thống	
c	Chiến lược phát triển và thu hút các khách hàng mới	
d	Lợi thế về dịch vụ và giá cước	
1.3	Kế hoạch phát triển	
a	Kế hoạch phát triển kinh doanh	
b	Kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng và thiết bị bốc dỡ	
1.4	Kế hoạch khai thác	
a	Kế hoạch tổ chức khai thác cảng	
b	Kế hoạch bố trí, sử dụng và đào tạo nhân lực	

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
c	Kế hoạch bảo trì duy tu hạ tầng và thiết bị	
d	Kế hoạch quản lý môi trường	
đ	Hệ thống vận hành khai thác và hệ thống IT (công nghệ thông tin)	
1.5	Mô hình tài chính	
a	Chi phí đầu tư, chi phí khai thác cảng	
b	Dòng tiền hàng năm của cảng	
c	Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR)	
1.6	Các yêu cầu khác (nếu có)	
2	**Đối với cảng cạn**	
2.1	Dự báo lưu lượng hàng hóa	
a	Phân tích và dự báo nguồn hàng	
b	Khả năng gom hàng	
c	Khả năng kết nối với các khu công nghiệp trong khu vực, khả năng kết nối với cảng biển, cảng hàng không, ga đường sắt và các phương thức kết nối khác	
d	Lợi thế từ các khách hàng truyền thống là chủ hàng	
2.2	Chiến lược marketing	
a	Chiến lược thu hút các khách hàng đến cảng	
b	Chiến lược giữ vững các khách hàng truyền thống	
c	Chiến lược phát triển và thu hút các khách hàng mới	
d	Lợi thế về dịch vụ và giá cước	
2.3	Kế hoạch phát triển	
a	Kế hoạch phát triển kinh doanh	
b	Kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng và thiết bị bốc dỡ	

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
2.4	Kế hoạch khai thác	
a	Kế hoạch tổ chức khai thác cảng	
b	Kế hoạch bố trí, sử dụng và đào tạo nhân lực	
c	Kế hoạch bảo trì duy tu hạ tầng và thiết bị	
d	Kế hoạch quản lý môi trường	
đ	Hệ thống vận hành khai thác và hệ thống IT (công nghệ thông tin)	
2.5	Mô hình tài chính	
a	Chi phí đầu tư, chi phí khai thác cảng	
b	Dòng tiền hàng năm của cảng	
c	Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR)	
2.6	Các yêu cầu khác (nếu có)	

Mục 3. Đánh giá về tài chính

a) Giá thuê đề xuất được cấu thành bởi phần giá thuê cố định và giá thuê thay đổi.

- Giá thuê cố định trong..... năm *[ghi thời gian yêu cầu]* là..... *[ghi giá thuê bằng số, bằng chữ]* cụ thể như sau:

TT	Năm	Giá thuê cố định
1	Năm thứ 1	...
2	Năm thứ 2	...
...	....	...
	Tổng	**...**

- Giá thuê thay đổi bằng tỷ lệ phần trăm (%) doanh thu khai thác tài sản cho thuê hàng năm.

b) Giá đề xuất hàng năm sau sửa lỗi và hiệu chỉnh của nhà thầu không thấp hơn giá tối thiểu hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương IV
BIỂU MẪU DỰ THẦU

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ XUẤT CHỈ ĐỊNH THẦU

_____, ngày____ tháng____ năm____

Kính gửi:_____ *[Ghi tên bên mời thầu]*

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,__ *[Ghi tên nhà thầu],* có địa chỉ tại_____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu]* cam kết thực hiện gói thầu__ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là__ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là____ ngày/tháng *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*.

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực, không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định trong hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian____ ngày, kể từ ngày____ tháng____ năm____ *[Ghi ngày có thời điểm đóng thầu]*.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu(1)

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: (1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Nếu nhà thầu được chỉ định thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

Mẫu số 2

GIẤY ỦY QUYỀN(1)

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại.....

Tôi là..... *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu],* là người đại diện theo pháp luật của..... *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại..... *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho..... *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án..... *[Ghi tên dự án]* do..... *[Ghi tên bên mời thầu]* tổ chức:

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn];

- Các tài liệu liên quan khác trong quá trình đấu thầu cho đến khi ký kết hợp đồng (nếu trúng thầu(2)*.*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của..... [Ghi tên nhà thầu]..... [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do..... [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày..... đến ngày.....(3). Giấy ủy quyền này được lập thành..... bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ..... bản, người được ủy quyền giữ..... bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

Mẫu số 3

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Gói thầu:..... *[Ghi tên gói thầu]*

Căn cứ:..... *[các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan];*

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]* ngày..... tháng..... năm..... *[ngày được ghi trên HSYC];*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh..... *[Ghi tên thành viên liên danh]*

Đại diện là ông/bà:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Fax:.....

E-mail:.....

Tài khoản:.....

Mã số thuế:.....

Giấy ủy quyền số:..... ngày..... tháng..... năm..... *(trường hợp được ủy quyền)*.

Tên thành viên liên danh..... *[Ghi tên thành viên liên danh]*

Đại diện là ông/bà:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Fax:.....

E-mail:.....

Tài khoản:.....

Mã số thuế:.....

Giấy ủy quyền số:..... ngày..... tháng..... năm..... *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là:..... *[Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác..... [Ghi rõ hình thức xử lý khác nếu có].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho..... *[Ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau(3):

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng..... [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh:

- Thành viên đứng đầu liên danh (*ghi tên thành viên đứng đầu liên danh)* đảm nhận công việc:..... *(ghi công việc thành viên đứng đầu liên danh sẽ tham gia trong hợp đồng).*

---

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

- Thành viên liên danh (*ghi tên thành viên liên danh)* đảm nhận công việc:..... *(ghi công việc thành viên liên danh sẽ tham gia trong hợp đồng).*

[Ghi cụ thể phần công việc, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].

3. Mỗi thành viên trong liên danh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đóng góp phần vốn theo công việc và tỷ lệ phân chia nêu trên để thực hiện hợp đồng cho thuê nếu được Bên cho thuê trao hợp đồng.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy đấu thầu gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]* theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành..... bản, mỗi bên giữ..... bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu].

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu].

Mẫu số 4

THÔNG TIN NHÀ THẦU

Đề nghị cung cấp các thông tin cơ bản về nhà thầu

Thông tin chung về nhà thầu

1.1. Tên nhà thầu.....

1.2. Thành lập tại quốc gia.....

1.3. Ngày thành lập.....

1.4. Hình thức tổ chức của nhà thầu.....

(Công ty/Liên danh)

1.5. Đại diện nhà thầu:

Người được ủy quyền ký tên: *.....

Địa chỉ liên lạc (e-mail/fax/điện thoại):.....

Địa chỉ nhà thầu.....

TT	Tên (các) công ty (Ghi chú 1, 2, 3)	Tên quốc gia xuất xứ và địa chỉ trụ sở	Vai trò trong Dự án	Tỷ lệ % cổ phần đóng góp (Ghi chú 4)	Số năm kinh nghiệm và lĩnh vực hoạt động của Công ty (Ghi chú 5, 6)

Ghi chú:

1. Gửi kèm điều lệ thành lập Công ty, thỏa thuận Liên danh, thỏa thuận trước khi nộp HSĐX hoặc Hợp đồng liên quan khác, nếu có.

2. Gửi kèm bản sao có công chứng quyết định của Ban giám đốc ủy quyền cho người đại diện nộp đề xuất, nếu có.

3. Kèm theo sổ tay giới thiệu, tờ rơi, báo cáo tài chính hàng năm... mô tả mỗi công ty thành viên (hoặc công ty mẹ/chi nhánh).

4. Kèm theo biên bản cam kết của các công ty thành viên góp vốn cổ phần đối với phần vốn góp và vốn dự phòng.

5. Kê khai các hoạt động kinh doanh chủ yếu của mỗi thành viên (hoặc công ty mẹ, chi nhánh), ví dụ: thương mại, quản lý dự án, khai thác bến cảng, vận tải biển, tài chính v.v...

6. Gửi kèm các giấy tờ dưới đây:

a) Bản sao công chứng bổ nhiệm người quản lý công ty.

b) Bản sao công chứng đăng ký công ty.

c) Bản sao công chứng thỏa thuận hợp tác đối tác.

d) Bản sao công chứng danh sách thành viên ban điều hành.

đ) Thư ủy quyền cho phép người đại diện ký thay nhà thầu. Nếu nhà thầu là liên danh, cần làm rõ các nghĩa vụ và mối quan hệ của từng thành viên.

Mẫu số 5

BẢNG KÊ KHAI SỬ DỤNG CHUYÊN GIA, CÁN BỘ KỸ THUẬT NƯỚC NGOÀI ĐỂ QUẢN LÝ, TỔ CHỨC VẬN HÀNH, KHAI THÁC CẢNG

TT	Họ và tên	Quốc tịch	Trình độ học vấn	Năng lực chuyên môn	Chức danh đảm nhiệm dự kiến	Thời gian thực hiện công việc dự kiến
1						
2						
3						
...						

Ghi chú: Trường hợp không sử dụng chuyên gia, cán bộ kỹ thuật nước ngoài thì không kê khai vào Mẫu này.

Mẫu số 6

DỰ BÁO HÀNG HÓA VÀ ĐỘI TÀU

Yêu cầu Nhà thầu trình bày dự báo về lưu lượng vận tải phù hợp với kế hoạch phát triển cảng và chiến lược marketing của mình. Dự báo lưu lượng sẽ xác định được lượng hàng qua cảng theo chủng loại và kích cỡ như trình bày trong bảng dưới đây để ước tính doanh thu.

Biểu 1

Dự báo lượng hàng qua cảng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	....	Năm thứ...
...				
...				
Tổng				

Biểu 2

Dự báo lượt tàu qua cảng	GT/tàu	Tr.tấn, TEU/ lượt tàu	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	....	Năm thứ....
			Lượt tàu qua cảng	Lượt tàu qua cảng		Lượt tàu qua cảng
Tổng lượt tàu						

Ghi chú: Đối với lựa chọn nhà thầu thuê khai thác cảng cạn, chỉ áp dụng Biểu 1

Mẫu số 7

DỰ BÁO DOANH THU HÀNG NĂM

Yêu cầu Nhà thầu trình bày dự báo doanh thu khai thác. Trên cơ sở dự báo lưu lượng và mức cước đề xuất, dự báo doanh thu được trình bày chi tiết trong mô hình tài chính. Nhà thầu tổng hợp doanh thu từng năm trong suốt thời gian cho thuê, vào trong bảng theo mẫu số 7 dưới đây.

Số TT	Năm	Dự báo doanh thu	Mô tả
1	Năm 1		
2	Năm 2		
...	.....		

Ghi chú: Nhà thầu có thể làm rõ về doanh thu trong cột Mô tả (nếu cần).

Mẫu số 8

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, THIẾT BỊ BỔ SUNG

Nhà thầu mô tả chi tiết (các) công trình bổ sung (nếu có) và thiết bị sẽ được đầu tư cùng với các thông số kỹ thuật, chi phí dự kiến và năm đầu tư kể cả việc thay thế thiết bị.

TT	Tên công trình, thiết bị bổ sung	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Tổng	Đặc tính kỹ thuật	Năm đầu tư/ thay thế
1	Thiết bị						
	Thiết bị xếp dỡ						
	CPU và hệ điều hành						
2	Công trình bổ sung						

Mẫu số 9

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

....., ngày..... tháng..... năm.....

Tên nhà thầu:..... *[Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

I. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong..... năm *[Ghi số năm theo quy định tại khoản 2 Mục 1 Chương III của Phụ lục này]*.

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

TT		Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...
1	*Tổng tài sản*			
2	*Tổng nợ phải trả*			
3	*Tài sản ngắn hạn*			
4	*Tổng nợ ngắn hạn*			
5	*Doanh thu*			
6	*Lợi nhuận trước thuế*			
7	*Lợi nhuận sau thuế*			
8	*Các nội dung khác (nếu có yêu cầu)*			

II. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai, nhà thầu nộp Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế trong..... năm *[Ghi số năm theo quy định tại khoản 2 Mục 1 Chương III];*

2. Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai trong..... năm *[Ghi số năm theo quy định tại khoản 2 Mục 1 Chương III];*

3. Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trong..... năm *[Ghi số năm theo quy định tại khoản 2 Mục 1 Chương III]*.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 10

CÁC CẢNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU ĐÃ/ĐANG THAM GIA KHAI THÁC[1]

....., ngày..... tháng..... năm.....

Tên nhà thầu:..... *[Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng cảng, mỗi cảng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

Biểu 1: Đối với bến cảng, cầu cảng

Tên cảng	*[Ghi tên đầy đủ của cảng]*
Chức năng cảng	*[Ghi chức năng cảng: cảng container chuyên dụng, cảng đa năng có bốc xếp hàng container, cảng tổng hợp, cảng hàng rời...]*
Ngày bắt đầu khai thác	*[Ghi ngày, tháng, năm]*
Thời hạn khai thác	*[Ghi số năm]*
Hình thức quản lý khai thác	*[Ghi hình thức quản lý khai thác: BOO, BOT, thuê khai thác...]*
Lĩnh vực dịch vụ tham gia khai thác:	*[Ghi tên đầy đủ của các dịch vụ Nhà thầu đang thực hiện tại cảng]*
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[Ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của cảng]* *[Ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]*
Mô tả tính chất tương tự	
1. Loại bến cảng, cầu cảng	*[Ghi thông tin phù hợp theo Phân loại bến cảng, cầu cảng]*
2. Quy mô bến cảng	*[Ghi diện tích bến cảng (phần trên bờ), chiều dài bến cảng/cầu cảng, độ sâu khu nước trước bến, trọng tải tàu tiếp nhận theo thiết kế và trọng tải tàu lớn nhất mà thực tế cảng đã tiếp nhận]*
3. Thiết bị xếp dỡ, vận chuyển trên bến	*[Ghi chủng loại, số lượng, công suất, năm sản xuất của cần trục trên bến, thiết bị nâng hạ trên bãi, thiết bị vận chuyển từ bến vào bãi và ngược lại]*
4. Hệ thống IT quản lý vận hành khai thác cảng	*[Mô tả hệ thống IT/phần mềm quản lý vận hành khai thác cảng]*

5. Công suất bến cảng	*[Ghi công suất thiết kế, sản lượng hàng lớn nhất mà cảng đã thông qua trong... năm gần đây (ghi rõ số năm yêu cầu)]*
6. Số lượng nhân viên	*[Ghi số lượng nhân viên của cảng trong năm gần nhất]*
7. Tỷ lệ sở hữu vốn góp/ cổ phần	*[Ghi tỷ lệ sở hữu vốn tại công ty đang quản lý khai thác cảng, thời điểm hiện tại]*
8. Về độ phức tạp và điều kiện khai thác	*[Mô tả về độ phức tạp của điều kiện khai thác]*
9. Các đặc tính khác	*[Ghi các đặc tính khác nếu có]*

Biểu 2: Đối với cảng cạn

Tên cảng	*[Ghi tên đầy đủ của cảng]*
Chức năng/mục tiêu của cảng cạn	*[Ghi chức năng/mục tiêu cảng theo Quyết định công bố mở cảng]*
Ngày bắt đầu khai thác	*[Ghi ngày, tháng, năm]*
Thời hạn khai thác	*[Ghi số năm]*
Hình thức quản lý khai thác	*[Ghi hình thức quản lý khai thác: BOO, BOT, thuê khai thác...]*
Lĩnh vực dịch vụ tham gia khai thác:	*[Ghi tên đầy đủ của các dịch vụ Nhà thầu đang thực hiện tại cảng]*
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[Ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của cảng]* *[Ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]*
Mô tả tính chất tương tự	
1. Quy mô cảng cạn	*[Ghi diện tích kho, diện tích bãi, tổng diện tích xây dựng]*
3. Thiết bị bốc xếp, vận chuyển trong cảng	*[Ghi chủng loại, số lượng, công suất, năm sản xuất của cần trục trong kho, bãi, thiết bị vận chuyển trong cảng]*
4. Hệ thống IT quản lý vận hành khai thác cảng	*[Mô tả hệ thống IT/phần mềm quản lý vận hành khai thác cảng]*
5. Công suất cảng cạn	*[Ghi công suất thiết kế, sản lượng hàng lớn nhất mà cảng đã thông qua trong... năm gần đây (ghi rõ số năm yêu cầu)]*

6. Số lượng nhân viên	*[Ghi số lượng nhân viên của cảng trong năm gần nhất]*
7. Tỷ lệ sở hữu vốn góp/ cổ phần	*[Ghi tỉ lệ sở hữu vốn tại công ty đang quản lý khai thác cảng, thời điểm hiện tại]*
8. Về độ phức tạp và điều kiện khai thác	*[Mô tả về độ phức tạp của điều kiện khai thác]*
9. Các đặc tính khác	*[Ghi các đặc tính khác nếu có]*

Nhà thầu phải gửi kèm bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến hoạt động tổ chức vận hành khai thác bến cảng theo các nội dung liên quan trong bảng trên...

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Nhà thầu kê khai theo Mẫu này cho từng cảng tương tự đã và đang tham gia khai thác.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Mẫu số 11

BẢNG KÊ KHAI NĂNG LỰC
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC CẢNG CỦA NHÀ THẦU

Năm	Sản lượng khai thác của nhà thầu	Sản lượng khai thác của từng thành viên trong trường hợp Nhà thầu là Liên danh					
		Thành viên thứ 1	Thành viên thứ 2	Thành viên thứ 3	Thành viên thứ 4	Thành viên thứ...	Tổng cộng
...							
...							
.							
Tổng							

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Chỉ kê khai năng lực khai thác cảng đối với loại hàng qua cảng theo thiết kế.

- Trường hợp nhà thầu là Liên danh thì năng lực của nhà thầu là năng lực của toàn bộ các thành viên trong liên danh.

- Trường hợp nhà thầu là công ty liên doanh thành lập tại Việt Nam với các thành viên là phía Việt Nam và phía nước ngoài thì ngoài năng lực của Công ty liên doanh, mỗi thành viên kê khai năng lực của mình tại các cảng khác ở Việt Nam và trên thế giới. Tuy nhiên chỉ kê khai và đánh giá năng lực các thành viên của công ty (ngoại trừ công ty vận tải biển) khi thành viên phải nắm giữ ít nhất 20 (hai mươi) % phần vốn của công ty liên doanh. Trong trường hợp này cần ghi chú rõ tỷ lệ sở hữu vốn của từng thành viên trong công ty liên doanh.

Mẫu số 12

BẢO LÃNH DỰ THẦU

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:..... *[Ghi tên và địa chỉ bên mời thầu]*

Ngân hàng..... *[ghi tên ngân hàng]* có trụ sở tại..... *[ghi địa chỉ ngân hàng]* chấp thuận gửi cho..... *[ghi tên Bên mời thầu]* một khoản tiền là..... *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và loại tiền]* để đảm bảo cho nhà thầu..... *[ghi tên Nhà thầu]* tham dự đấu thầu gói thầu..... *[ghi rõ tên gói thầu]*.

Ngân hàng chúng tôi xin cam kết trả cho..... *[ghi tên Bên mời thầu]* số tiền nói trên ngay khi nhận được văn bản yêu cầu của Bên mời thầu. Bên mời thầu không phải giải thích về yêu cầu của mình, chỉ cần ghi rõ số tiền phải trả là do nhà thầu..... *[ghi tên Nhà thầu]* vi phạm một hoặc các điều kiện sau đây:

1. Nếu Nhà thầu rút đơn dự thầu trong thời hạn có hiệu lực của hồ sơ dự thầu đã được quy định trong hồ sơ mời thầu.

2. Nếu nhà thầu đã được Bên mời thầu thông báo trúng thầu trong thời hạn có hiệu lực của hồ sơ dự thầu mà nhà thầu:

a) Từ chối đàm phán, ký kết hợp đồng;

b) Không có khả năng nộp hoặc từ chối nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có giá trị kể từ ngày nộp hồ sơ dự thầu đến sau..... ngày, kể từ ngày hết hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu nào liên quan đến bảo lãnh này phải gửi tới ngân hàng trước thời hạn nói trên.

Tên ngân hàng cấp bảo lãnh
(Đại diện ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 13

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

..., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:..... *[tên và địa chỉ Bên cho thuê]*

Ngân hàng..... *[ghi tên ngân hàng]* có trụ sở tại..... *[ghi địa chỉ của ngân hàng]*.

Do nhà thầu..... *[ghi tên nhà thầu]* cam kết thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện, thiết bị bổ sung để khai thác bến cảng..... *[ghi tên bến cảng cho thuê]*; theo yêu cầu của..... *[ghi tên Bên cho thuê]* nêu trong hồ sơ yêu cầu (hoặc hợp đồng) nhà thầu phải nộp giấy bảo lãnh của ngân hàng với số tiền..... *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và loại tiền]* để bảo đảm trách nhiệm của nhà thầu..... *[ghi tên nhà thầu]* trong thời gian thực hiện hợp đồng đã ký.

Chúng tôi đồng ý cấp cho nhà thầu giấy bảo lãnh này và khẳng định rằng chúng tôi thay mặt cho nhà thầu chịu trách nhiệm trực tiếp trước..... *[ghi tên Bên cho thuê]* với số tiền đảm bảo là..... *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và loại tiền]*.

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho *[ghi tên Bên cho thuê]*..... bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn..... *[Ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Bên cho thuê thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày..... tháng..... năm.....

Tên ngân hàng cấp bảo lãnh
(Đại diện ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 14

ĐỀ XUẤT GIÁ DỰ THẦU

Chúng tôi xin nộp đề xuất giá thuê khai thác bến cảng..... *[ghi rõ tên bến cảng, cầu cảng cho thuê]* như sau:

1. Giá thu cố định và giá thu thay đổi hàng năm được đề xuất trả cho các năm như bảng dưới đây:

TT	Năm	Giá thu cố định	Giá thu thay đổi			Mô tả
			Tỷ lệ phần trăm (%) bằng số	Tỷ lệ phần trăm bằng chữ	Giá trị bằng tiền phải trả	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Năm thứ nhất					
2	Năm thứ 2					
3	Năm thứ 3					
...						
	Tổng					

2. Trong đó:

a) Giá thu cố định là giá tính trên cơ sở tỷ lệ khấu hao tài sản hàng năm, tiền trả nợ vay và lãi vay (nếu có), chi phí phục vụ quản lý khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn cho thuê và các chi phí khác theo quy định. Thời gian sử dụng kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn để tính giá cho thuê tối đa là 50 năm;

b) Giá thu thay đổi là giá thu theo tỷ lệ phần trăm (%) của doanh thu khai thác tài sản cho thuê hàng năm.

Phần thứ hai
ĐIỀU KIỆN VÀ MẪU CỦA HỢP ĐỒNG THUÊ KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG BẾN CẢNG, CẦU CẢNG, CẢNG CẠN

Chương V
CÁC ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG THUÊ

Mục 1
CÁC ĐIỀU KIỆN BẮT BUỘC CỦA HỢP ĐỒNG THUÊ

Điều 1. Giấy phép

Bên thuê, bằng chi phí của mình, xin cấp phép và duy trì hiệu lực của các giấy phép, đăng ký, chứng chỉ và quyết định chấp thuận (cũng như văn bản cấp mới của các giấy tờ này) theo yêu cầu của các cơ quan cấp có thẩm quyền để Bên thuê thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Điều 2. Hoàn thiện các thu xếp tài chính

Bên thuê phải huy động và thu xếp nguồn tài chính cần thiết để đầu tư thiết bị và cơ sở vật chất của Bên thuê.

Điều 3. Nghĩa vụ thành lập công ty khai thác của Bên thuê *[Trường hợp liên danh khai thác]*

1. Sau khi được phê duyệt, Bên thuê sẽ nhanh chóng tiến hành thành lập công ty khai thác *[hình thức công ty, ví dụ công ty cổ phần]* tại nước CHXHCN Việt Nam, phù hợp với luật pháp nước CHXHCN Việt Nam.

2. Các thành viên sáng lập của công ty khai thác là những người được nêu tên trong hồ sơ dự thầu.

3. Tại thời điểm hoàn thiện các thu xếp tài chính hoặc trước đó, các thành viên sáng lập phải đăng ký mua một trăm phần trăm (100%) tổng vốn cổ phần phát hành đề xuất của công ty khai thác, phần đăng ký cụ thể của mỗi thành viên sáng lập được quy định trong hồ sơ dự thầu.

Điều 4. Nghĩa vụ của Bên thuê

1. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh, bảo vệ môi trường và phòng cháy, chữa cháy trong phạm vi cảng.

2. Mua sắm, điều chuyển, lắp đặt các thiết bị bổ sung và cơ sở vật chất của Bên thuê.

3. Bằng chi phí của mình vận hành, sửa chữa, duy tu bảo dưỡng tất cả tài sản thuê và tài sản tự trang bị để phục vụ cho mục đích khai thác cảng theo quy định của hợp đồng.

4. Thực hiện kiểm định định kỳ theo quy định của pháp luật.

5. Cho phép Bên cho thuê thanh tra, kiểm tra thiết bị của Bên cho thuê và thiết bị bổ sung của Bên thuê trong suốt quá trình lắp đặt, chạy thử và khai thác.

6. Báo cáo đột xuất và định kỳ theo yêu cầu của Bên cho thuê theo nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng.

7. Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bên cho thuê cũng như các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

8. Thực hiện các hoạt động marketing và các hoạt động liên quan khác để quảng bá cảng.

9. Nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên cho thuê.

10. Thanh toán phí cho Bên cho thuê đúng thời hạn quy định.

11. Các thành viên sáng lập không được bán, thanh lý hoặc chuyển nhượng cổ phần của mình trong công ty khai thác cảng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên cho thuê.

Điều 5. Nghĩa vụ sử dụng bến cảng/cầu cảng/cảng cạn

1. Bến cảng/cầu cảng/cảng cạn sẽ được đưa vào khai thác đúng công năng, đối tượng và điều kiện khai thác được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

2. Trong suốt thời hạn cho thuê, Bên thuê phải đảm bảo rằng Bến cảng/cầu cảng/cảng cạn luôn được khai thác theo đúng quy định pháp luật hiện hành của nước CHXHCN Việt Nam.

Điều 6. Quy trình khai thác

1. Bên thuê phải khai thác, duy tu bảo dưỡng, kiểm định định kỳ bến cảng/cầu cảng/cảng cạn phù hợp với các tập quán quốc tế và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Trong mọi trường hợp không được ký Hợp đồng thầu phụ để khai thác toàn bộ Bến cảng; chỉ được ký Hợp đồng thầu phụ thực hiện khai thác một số kết cấu hạ tầng bến cảng/cầu cảng/cảng cạn cụ thể nếu được Bên cho thuê chấp thuận bằng văn bản.

3. Bên thuê có thể cho nhà thầu phụ thuê lại một phần tài sản thuê nếu được Bên cho thuê chấp thuận trước bằng văn bản.

Điều 7. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

1. Bên thuê có trách nhiệm nộp Bảo đảm thực hiện hợp đồng do một tổ chức tài chính phát hành theo hình thức và nội dung thỏa mãn yêu cầu của Bên cho thuê. Bảo đảm thực hiện hợp đồng để đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên thuê kể từ ngày hợp đồng thuê có hiệu lực đến ngày bắt đầu tính thời gian thuê theo hợp đồng. Khoản Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ là.....% *[ghi cụ thể tỷ lệ nhưng tối đa là 5%]* mức đầu tư cho thiết bị và cơ sở vật chất của Bên thuê hoặc giá thu cố định được phê duyệt.

2. Bên thuê có trách nhiệm nộp Bảo đảm thuê do một tổ chức tài chính phát hành theo hình thức và nội dung thỏa mãn các yêu cầu của Bên cho thuê trước khi Bên cho thuê phát hành Giấy chứng nhận bàn giao. Bảo đảm thuê để đảm bảo việc thực hiện đúng điều kiện Hợp đồng kể cả việc thanh toán giá cho thuê và bất kỳ khoản tiền phải trả nào theo quy định của Hợp đồng. Bảo đảm thuê cho mỗi Năm khai thác sẽ tương ứng với mức giá cho thuê của năm trước đó. Bảo đảm thuê cho Năm khai thác đầu tiên và Năm khai thác thứ hai tương ứng với phần giá cho thuê cố định.

Điều 8. Giá thuê

1. Bên thuê phải trả cho Bên cho thuê khoản tiền thuê, bao gồm:

a) Khoản tiền thuê cố định cơ bản hàng năm;

b) Khoản tiền thuê thay đổi hàng năm;

c) Các khoản tiền thuê sẽ được thanh toán bằng đồng tiền quy định.

2. Tiền thuê sẽ được thanh toán như sau:

a) Đồng tiền thanh toán..... [*Quy định tùy theo điều kiện cụ thể*];

b) Thời hạn thanh toán..... [*Quy định tùy theo điều kiện cụ thể*];

c) Phương thức thanh toán:..... [*Tùy theo điều kiện cụ thể mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản...*].

3. Giá cho thuê được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Định kỳ.... năm một lần;

- Khi chỉ số lạm phát của Việt Nam trên..../năm;

- Các trường hợp khác do bên cho thuê hoặc bên thuê đề xuất và được cơ quan quyết định đầu tư chấp thuận.

4. Phương thức điều chỉnh giá: Khi cần điều chỉnh giá theo các điều kiện nêu trên, Bên cho thuê và Bên thuê cùng xem xét thống nhất giá thuê và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

Điều 9. Thuế, phí và lệ phí

1. Bên thuê sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản thuế, phí hải quan và các khoản thu khác do nhà nước quy định.

2. Bên thuê sẽ chịu các chi phí thủ tục phát sinh liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

Điều 10. Bảo hiểm

Sau ngày bàn giao các hạng mục kết cấu hạ tầng, thiết bị cho thuê (nếu có) trong thời gian thực hiện hợp đồng và gia hạn hợp đồng, Bên thuê phải mua bảo hiểm cho kết cấu hạ tầng và thiết bị cho thuê bằng kinh phí của mình.

Điều 11. Chuyển giao và thu hồi dự án

1. Khi hết thời hạn hoặc khi hợp đồng chấm dứt, đối với thiết bị do Bên thuê đầu tư bổ sung, về nguyên tắc bên thuê phải chuyển các thiết bị đó ra khỏi phạm vi bến cảng trong vòng..... ngày để hoàn trả lại bến cảng nguyên trạng như ban đầu ngoại trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.

2. Khi hết thời hạn hoặc khi hợp đồng chấm dứt Bên thuê phải tiến hành kiểm định chất lượng và bàn giao lại đầy đủ kết cấu hạ tầng của Nhà nước và thiết bị của nhà nước cho Bên cho thuê trong tình trạng hoạt động bình thường với các thông số kỹ thuật theo quy định của hợp đồng, không trong tình trạng cho thuê, mượn hay bị chiếm giữ, bị thế chấp, nợ nần hay bất kỳ điều kiện nào khác trừ các hạng mục đã được Bên cho thuê chấp thuận.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. Hai bên có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian..... [*Ghi số ngày*] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế sau:..... [*Ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp, trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...*].

Mục 2
CÁC ĐIỀU KIỆN KHUYẾN KHÍCH CỦA HỢP ĐỒNG THUÊ

Ngoài các điều kiện bắt buộc như đề cập trong Mục I Chương này, Bên thuê cân nhắc thêm các điều kiện khuyến khích sau đây:

1. Chương trình marketing.

2. Cam kết vì tương lai lâu dài của cảng.

3. Duy trì quan hệ tốt giữa chủ lao động với người lao động.

4. Chương trình bảo dưỡng, bảo vệ môi trường, phòng ngừa rủi ro.

5. Chương trình đào tạo hợp lý về khai thác cảng cho cán bộ Việt Nam đủ năng lực.

Chương VI
MẪU HỢP ĐỒNG THUÊ

Mẫu Hợp đồng thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng/cầu cảng/cảng cạn thực hiện theo quy định tại Phụ lục III của Thông tư này.

Phụ lục II

MẪU HỒ SƠ MỜI THẦU
CHO THUÊ KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG BẾN CẢNG/
CẦU CẢNG/CẢNG CẠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2017/TT-BGTVT
ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

HỒ SƠ MỜI THẦU

(tên gói thầu)

(tên chủ đầu tư)

(tên Bên mời thầu)

....., ngày.... tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của tư vấn lập HSMT (nếu có)

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt
Phần thứ nhất. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU
Chương I. GIỚI THIỆU DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU
Chương II. YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC ĐẤU THẦU
A. TỔNG QUÁT
B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ THẦU
C. NỘP HỒ SƠ DỰ THẦU
D. MỞ THẦU VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU
Đ. TRÚNG THẦU
Chương III. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU
Chương IV. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ NỘI DUNG XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ
Chương V. BIỂU MẪU DỰ THẦU
Mẫu số 1
Mẫu số 2
Mẫu số 3
Mẫu số 4
Mẫu số 5
Mẫu số 6
Mẫu số 7
Mẫu số 8
Mẫu số 9
Mẫu số 10
Mẫu số 11
Mẫu số 12
Mẫu số 13
Mẫu số 14
Mẫu số 15
Mẫu số 16
Mẫu số 17
Mẫu số 18
Phần thứ hai. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG
Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG
1. CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG
2. CÁC ĐIỀU KIỆN BẮT BUỘC
3. CÁC ĐIỀU KIỆN KHUYẾN KHÍCH
4. MẪU HỢP ĐỒNG CHO THUÊ

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định số 58/2017/NĐ-CP	Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải
Nghị định số 38/2017/NĐ-CP	Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn
Nghị định số 63/2014/NĐ-CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VND	Đồng Việt Nam
HĐTV	Hội đồng tư vấn

Phần thứ nhất
CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Chương I
GIỚI THIỆU DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

Chương này giới thiệu khái quát thông tin về dự án và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án, quy mô của dự án, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin cần thiết khác.

1. Giới thiệu về dự án

a) Dự án:

- Tên dự án:.....

- Chủ đầu tư:.....

- Quyết định đầu tư:.....

b) Địa điểm xây dựng

- Vị trí:.....

- Hạ tầng kỹ thuật hiện có:.....

c) Quy mô xây dựng

- Loại công trình và chức năng:.....

- Quy mô và các đặc điểm khác:.....

2. Giới thiệu về gói thầu

a) Tên gói thầu:.....

b) Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:.....

c) Tên tổ chức cho thuê:.....

d) Danh mục và đặc tính kỹ thuật tài sản cho thuê:.....

Bảng 2. Danh mục tài sản cho thuê (theo phương án cho thuê được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

TT	Hạng mục	Mô tả	Đơn vị	Khối lượng
1	Cơ sở hạ tầng (cầu cảng, sân bãi, nhà kho...)			

TT	Hạng mục	Mô tả	Đơn vị	Khối lượng
2	Dịch vụ tiện ích (điện, liên lạc, chiếu sáng, cấp nước, cứu hỏa, thoát nước...)			
3	Cơ sở hạ tầng khác			
4	Thiết bị (nếu có)			
...				

đ) Công trình công cộng (luồng hàng hải, hệ thống báo hiệu, đường bộ, đường thủy, đường sắt kết nối...)

e) Các loại hình dịch vụ trong cảng

- Bến cảng, cầu cảng:

+ Hoa tiêu;

+ Dịch vụ lai dắt;

+ Kiểm đếm và đo lường hàng hóa;

+ Cung cấp nước sạch và nhiên liệu;

+ An ninh cảng.

- Cảng cạn:

+ Xếp dỡ hàng hóa và container;

+ Lưu kho hàng hóa, lưu container có hàng và rỗng;

+ Gom hàng, chia hàng;

+ Làm thủ tục hải quan;

+ Hệ thống thông tin liên quan đến hải quan/cảng biển/khách hàng/nhà cung cấp dịch vụ;

+ Đại lý giao nhận;

+ Vận tải container;

+ Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện và container;

+ Vệ sinh an toàn, thuốc và cấp cứu, an ninh cảng;

...

g) Các loại hình dịch vụ ngoài bến cảng, cầu cảng, cảng cạn

- Thu gom rác;
- Phòng cháy chữa cháy;
- Cứu hộ tràn dầu/hóa chất/ô nhiễm;
- Cấp điện.

h) Điều kiện sử dụng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn

i) Giá trị tài sản cho thuê

k) Thời hạn cho thuê

l) Giá cho thuê

Chương II
YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC ĐẤU THẦU

A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Nội dung đấu thầu

1. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia đấu thầu gói thầu lựa chọn bên thuê khai thác thuộc dự án nêu tại BDL. Tên gói thầu và nội dung công việc chủ yếu được mô tả trong BDL.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực và được quy định trong BDL.

Mục 2. Điều kiện tham gia đấu thầu của nhà thầu

1. Điều kiện đối với nhà thầu được tham gia đấu thầu khi đáp ứng các quy định là tổ chức có đủ tư cách pháp nhân hợp lệ như quy định trong BDL và được hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

2. Chỉ được tham gia trong một HSDT với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc là nhà thầu liên danh. Trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Chương V của HSMT, trong đó quy định rõ thành viên đứng đầu liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên đối với công việc thuộc gói thầu.

3. Đáp ứng yêu cầu của bên mời thầu nêu trong thông báo mời thầu.

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu như quy định trong BDL.

5. Không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu.

Mục 3. Yêu cầu về máy móc, thiết bị khai thác trong thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng/cầu cảng/cảng cạn

1. Bên thuê có trách nhiệm mua sắm, điều chuyển, lắp đặt và đưa vào thử nghiệm vận hành các thiết bị của Bên thuê, thiết bị bổ sung cũng như việc thi công cơ sở vật chất của Bên thuê theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Các thiết bị của Bên thuê, thiết bị bổ sung và cơ sở vật chất của Bên thuê phải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và phải được duy tu, bảo dưỡng đảm bảo điều kiện khai thác tốt trong thời hạn cho thuê nhằm đạt năng suất cao.

3. Khi tiếp nhận tài sản thuê, Bên cho thuê có quyền kiểm tra và xác nhận bằng văn bản việc lắp đặt và vận hành thử nghiệm thiết bị và cơ sở vật chất của Bên thuê phù hợp với thiết kế của cảng sau khi Bên thuê hoàn thành việc lắp đặt và vận hành thử.

Mục 4. Chi phí dự thầu

Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia đấu thầu, kể từ khi mua HSMT cho đến khi thông báo kết quả đấu thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi ký hợp đồng.

Mục 5. HSMT và giải thích làm rõ HSMT

1. HSMT bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSMT này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSMT để chuẩn bị HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Trường hợp nhà thầu muốn được giải thích làm rõ HSMT thì phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu theo địa chỉ và thời gian ghi trong BDL (nhà thầu có thể thông báo trước cho bên mời thầu qua fax, e-mail...). Sau khi nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSMT theo thời gian quy định trong BDL, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời và gửi cho tất cả các nhà thầu mua HSMT.

Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu thấy chưa rõ. Nội dung trao đổi sẽ được bên mời thầu ghi lại thành văn bản làm rõ HSMT gửi cho tất cả nhà thầu mua HSMT.

Mục 6. Khảo sát hiện trường

1. Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường phục vụ cho việc lập HSDT. Bên mời thầu tạo điều kiện cho nhà thầu đi khảo sát hiện trường theo quy định tại BDL. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác.

Mục 7. Sửa đổi HSMT

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh phạm vi của gói thầu hoặc các nội dung yêu cầu khác, Bên mời thầu sẽ tiến hành sửa đổi HSMT (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn nộp HSDT nếu cần thiết) bằng cách gửi văn bản sửa đổi HSMT đến tất cả các nhà thầu mua HSMT trước thời điểm đóng thầu một số ngày nhất định được quy định trong BDL. Tài liệu này là một phần của HSMT. Nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu là đã nhận được các tài liệu sửa đổi đó bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ THẦU

Mục 8. Ngôn ngữ sử dụng

HSDT cũng như tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc đấu thầu phải được viết bằng ngôn ngữ như quy định trong BDL.

Mục 9. Nội dung HSDT

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 Chương này.

2. Giá dự thầu theo quy định tại Mục 13 Chương này.

3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 15 Chương này.

4. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 16 Chương này.

5. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự phù hợp (đáp ứng) của máy móc, thiết bị đưa vào quản lý, khai thác theo quy định tại Mục 3 Chương này.

6. HSDT của nhà thầu phải thể hiện được các nội dung sau đây:

- Phương án xây dựng bộ máy quản lý, tổ chức vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng/cầu cảng/cảng cạn; kế hoạch sử dụng nhân lực, lao động;

- Kế hoạch quản lý, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị, công nghệ và toàn bộ cơ sở vật chất của kết cấu hạ tầng bến cảng/cầu cảng/cảng cạn mà bên cho thuê bàn giao trong trường hợp trúng thầu;

- Phương án huy động vốn, thanh toán nếu trúng thầu;

- Các nội dung đề xuất khác theo yêu cầu của HSMT.

Quá trình lập HSDT Nhà thầu kê khai theo Mẫu số 7, Mẫu số 11 và Mẫu số 12 Chương V của HSMT; tham khảo nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ nội dung như Mẫu số 6 Chương V của HSMT.

7. Các nội dung khác quy định tại BDL.

Mục 10. Thay đổi tư cách tham gia đấu thầu

Trường hợp nhà thầu cần thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với khi mua HSMT thì thực hiện theo quy định tại BDL.

Mục 11. Đơn dự thầu

Đơn dự thầu do nhà thầu chuẩn bị và phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương V của HSMT, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương V của HSMT). Trường hợp ủy quyền, nhà thầu gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ theo quy định trong BDL để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập.

Mục 12. Đề xuất phương án kinh doanh khai thác trong HSDT

Trừ các yêu cầu bắt buộc phải tuân thủ nêu trong HSMT, nhà thầu được đề xuất các phương án kinh doanh khác phù hợp với khả năng của mình và quy mô, tính chất của gói thầu nhưng phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu bắt buộc.

Mục 13. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu nêu trong đơn dự thầu thuộc HSDT sau khi điều chỉnh giá theo thư điều chỉnh giá (nếu có). Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm giá thuê cố định và giá thuê thay đổi để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bên mời thầu và không thấp hơn mức giá thuê tối thiểu nêu tại khoản 1 mục 13 BDL của HSMT này.

2. Nhà thầu phải điền giá dự thầu bằng số và bằng chữ vào đơn dự thầu của mình. Trường hợp có sai lệch giữa giá trị ghi bằng số và giá trị ghi bằng chữ thì giá trị ghi bằng chữ là cơ sở pháp lý để sửa sai lệch về giá dự thầu.

Đơn dự thầu chỉ có một mức giá dự thầu. Đơn dự thầu có từ hai mức giá dự thầu trở lên là không hợp lệ và HSDT bị loại bỏ do chào thầu theo nhiều mức giá.

Tại BDL sẽ công khai một số thông số cơ bản để làm cơ sở tính toán giá khởi điểm (giá gói thầu).

3. Trường hợp nhà thầu có thư điều chỉnh giá thì có thể nộp cùng với HSDT hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư điều chỉnh giá nộp cùng với HSDT thì nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu trước hoặc tại thời điểm đóng thầu hoặc phải có bảng kê thành phần HSDT trong đó có thư điều chỉnh giá. Trong thư điều chỉnh giá cần nêu rõ nội dung và cách thức điều chỉnh giá theo hiệu quả kinh doanh của từng năm. Trường hợp không nêu rõ cách thức điều chỉnh giá thì được hiểu là thay đổi đều theo tỷ lệ cho tất cả các năm thực hiện hợp đồng.

4. Các quy định khác tại BDL.

Mục 14. Đồng tiền dự thầu

Giá dự thầu được chào bằng đồng tiền theo quy định trong BDL.

Mục 15. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:

a) Đối với nhà thầu độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như quy định trong BDL;

b) Đối với nhà thầu liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a khoản này đối với từng thành viên trong liên danh;

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo quy định tại khoản 2 Mục 2 Chương này.

2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:

a) Bảng kê thông tin về nhà thầu theo Mẫu số 4 Chương V của HSMT; Bảng kê khai sử dụng chuyên gia, cán bộ kỹ thuật nước ngoài theo Mẫu số 5 Chương V của HSMT; các cảng tương tự do nhà thầu đang tham gia khai thác, kê khai năng lực quản lý, vận hành khai thác cảng của Nhà thầu được liệt kê theo Mẫu số 10 và Mẫu số 11 Chương V của HSMT; kê khai tóm tắt về hoạt động của nhà thầu theo Mẫu số 14 Chương V của HSMT; năng lực tài chính của nhà thầu được liệt kê theo Mẫu số 9 Chương V của HSMT;

b) Các tài liệu khác được quy định trong BDL.

3. Việc sử dụng lao động nước ngoài được quy định trong BDL.

Mục 16. Bảo đảm dự thầu

1. Khi tham gia đấu thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định trong BDL. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại BDL; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì hồ sơ dự thầu của liên danh đó sẽ bị loại theo điều kiện tiên quyết;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại BDL.

2. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, không đúng đồng tiền quy định, thời gian hiệu lực ngắn hơn, không nộp theo địa chỉ (tên và địa chỉ của bên mời thầu) và thời gian quy định trong HSMT, không đúng tên gói thầu, tên nhà thầu (đối với nhà thầu liên danh thì theo quy định tại khoản 1 Mục này), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ (đối với thư bảo đảm của ngân hàng, tổ chức tài chính).

3. Nhà thầu không trúng thầu sẽ được hoàn trả bảo đảm dự thầu trong thời gian quy định nêu tại BDL. Đối với nhà thầu trúng thầu, bảo đảm dự thầu được hoàn trả sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo đảm thuê.

4. Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

a) Rút HSDT sau khi đóng thầu mà HSDT vẫn còn hiệu lực;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi nhận được Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu của Bên mời thầu mà không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo;

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu mà không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi ký hợp đồng hoặc trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Trường hợp một thành viên trong liên danh vi phạm dẫn đến nhà thầu không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản này thì tất cả thành viên trong liên danh đều bị tịch thu bảo đảm dự thầu.

Mục 17. Thời gian có hiệu lực của HSDT

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính từ thời điểm đóng thầu và phải đảm bảo như quy định trong BDL. HSDT có thời gian hiệu lực ngắn hơn so với quy định trong BDL là không hợp lệ và bị loại.

2. Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT một hoặc nhiều lần với tổng thời gian của tất cả các lần yêu cầu nhà thầu gia hạn không quá 30 ngày, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Mục 18. Quy cách của HSDT và chữ ký trong HSDT

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và một số bản chụp HSDT được quy định trong BDL và ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trong quá

trình đánh giá, nếu bên mời thầu phát hiện bản chụp có lỗi kỹ thuật như chụp nhòe, không rõ chữ, chụp thiếu trang hoặc các lỗi khác thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở. Trường hợp bản chụp có nội dung sai khác so với bản gốc thì tùy theo mức độ sai khác, bên mời thầu sẽ quyết định xử lý cho phù hợp, chẳng hạn sai khác đó là không cơ bản, không làm thay đổi bản chất của HSDT thì được coi là lỗi chấp nhận được; nhưng nếu sai khác đó làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT so với bản gốc thì bị coi là gian lận, HSDT sẽ bị loại, đồng thời nhà thầu sẽ bị xử lý theo quy định tại Mục 39 Chương này.

2. HSDT phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư điều chỉnh giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, biểu giá và các biểu mẫu khác tại Chương V yêu cầu đại diện hợp pháp của nhà thầu ký.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn dự thầu) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

C. NỘP HỒ SƠ DỰ THẦU

Mục 19. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDT

1. HSDT bao gồm các nội dung nêu tại Mục 9 Chương này. HSDT phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT được quy định trong BDL.

2. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà thầu cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của bên mời thầu được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát. Nhà thầu nên đóng gói tất cả các tài liệu của HSDT vào cùng một túi. Trường hợp cần đóng gói thành nhiều túi để dễ vận chuyển thì trên mỗi túi phải ghi rõ số thứ tự từng túi trên tổng số túi để đảm bảo tính thống nhất và từng túi cũng phải được đóng gói, niêm phong và ghi theo đúng quy định tại Mục này.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Mục này. Bên mời thầu sẽ

không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn tại khoản 1, khoản 2 Mục này.

Mục 20. Thời hạn nộp HSDT

1. Nhà thầu nộp trực tiếp đến địa chỉ nêu tại Mục 23 BDL của HSMT trước thời điểm đóng thầu quy định trong BDL.

2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời hạn nộp HSDT (thời điểm đóng thầu) trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDT hoặc khi sửa đổi HSMT theo Mục 7 Chương này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi Bên mời thầu xét thấy cần thiết.

3. Khi gia hạn thời hạn nộp HSDT, Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã mua HSMT, đồng thời thông báo gia hạn thời hạn nộp HSDT sẽ được đăng tải trên báo Đấu thầu tối thiểu 1 kỳ và đăng trên trang thông tin điện tử về đấu thầu. Khi thông báo, Bên mời thầu sẽ ghi rõ thời điểm đóng thầu mới để nhà thầu có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDT đã nộp (bao gồm cả hiệu lực của HSDT) theo yêu cầu mới. Nhà thầu đã nộp HSDT có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung HSDT của mình. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì bên mời thầu quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ "mật".

Mục 21. HSDT nộp muộn

Bất kỳ tài liệu nào, kể cả thư điều chỉnh giá (nếu có) được nhà thầu gửi đến sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, bị loại và được trả lại theo nguyên trạng (trừ tài liệu làm rõ HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu quy định tại Mục 24 Chương này).

Mục 22. Sửa đổi hoặc rút HSDT

Khi muốn sửa đổi hoặc rút HSDT đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị và bên mời thầu chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu; văn bản đề nghị sửa đổi, rút HSDT phải được gửi riêng biệt với HSDT.

D. MỞ THẦU VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Mục 23. Mở thầu

1. Việc mở thầu được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu theo thời gian và địa điểm quy định trong BDL trước sự chứng kiến của những người có mặt và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu

được mời. Bên mời thầu có thể mời đại diện của các cơ quan có liên quan đến tham dự lễ mở thầu.

2. Bên mời thầu tiến hành mở lần lượt HSDT của từng nhà thầu có tên trong danh sách mua HSMT (bao gồm cả nhà thầu thay đổi tư cách tham dự thầu) và nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu. HSDT của nhà thầu có văn bản đề nghị rút HSDT đã nộp và HSDT của nhà thầu nộp sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Việc mở HSDT của từng nhà thầu được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Kiểm tra niêm phong HSDT;

b) Mở HSDT;

c) Đọc và ghi vào biên bản các thông tin chủ yếu:

- Tên nhà thầu;
- Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;
- Thời gian có hiệu lực của HSDT;
- Giá dự thầu nêu trong đơn dự thầu;
- Điều chỉnh giá (nếu có);
- Giá trị, thời hạn hiệu lực và biện pháp bảo đảm dự thầu;
- Văn bản đề nghị sửa đổi HSDT (nếu có) theo quy định tại Mục 22 Chương này;
- Các thông tin khác liên quan.

4. Biên bản mở thầu cần được đại diện bên mời thầu, đại diện của từng nhà thầu có mặt và đại diện các cơ quan liên quan tham dự ký xác nhận. Bản chụp của biên bản mở thầu được gửi cho tất cả nhà thầu nộp HSDT.

5. Sau khi mở thầu, bên mời thầu sẽ ký xác nhận vào từng trang bản gốc của tất cả HSDT và quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ "mật". Việc đánh giá HSDT được tiến hành theo bản chụp.

Mục 24. Làm rõ HSDT

1. Trong quá trình đánh giá HSDT, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung của HSDT theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Trường hợp HSDT thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm và các tài liệu khác theo yêu cầu của HSMT thì nhà thầu có thể được bên mời thầu yêu cầu bổ sung tài liệu nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm

của nhà thầu với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

2. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và được thực hiện dưới hình thức trao đổi trực tiếp (bên mời thầu mời nhà thầu đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (Bên mời thầu gửi văn bản yêu cầu làm rõ và nhà thầu phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của nhà thầu. Nội dung làm rõ HSDT thể hiện bằng văn bản được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà Bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ, hoặc nhà thầu có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 25. Đánh giá sơ bộ HSDT

1. Kiểm tra tính hợp lệ, sự đầy đủ và đáp ứng điều kiện tiên quyết của HSDT theo quy định tại BDL và Chương IV của HSMT.

2. Đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định tại Chương IV của HSMT.

Mục 26. Đánh giá về mặt kỹ thuật

Bên mời thầu tiến hành đánh giá về mặt kỹ thuật các HSDT đã vượt qua đánh giá sơ bộ trên cơ sở các yêu cầu của HSMT và TCĐG nêu tại Chương IV của HSMT. Các HSDT đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật sau khi được chủ đầu tư phê duyệt mới được xác định giá đánh giá.

Mục 27. Đánh giá về tài chính và tổng hợp

1. Đánh giá về tài chính

Bên mời thầu xác định điểm giá đánh tài chính của các HSDT theo trình tự sau đây: xác định giá dự thầu; sửa lỗi; hiệu chỉnh các sai lệch; chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch sang một đồng tiền chung (nếu có). Trường hợp có thư điều chỉnh giá thì Bên mời thầu sẽ thực hiện sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở giá dự thầu chưa điều chỉnh giá. Trong trường hợp đó, việc xác định giá trị tuyệt đối của lỗi số học hoặc sai lệch được tính trên cơ sở giá dự thầu ghi trong đơn. Nội dung đánh giá về tài chính cụ thể tại Chương của HSMT.

2. Đánh giá tổng hợp và xếp hạng HSDT

Tiến hành đánh giá tổng hợp về mặt kỹ thuật, về mặt tài chính và xếp hạng theo tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp và xếp hạng nêu tại Mục 4 Chương IV của HSMT. Nhà thầu có giá dự thầu hàng năm sau sửa lỗi và hiệu chỉnh cao hơn hoặc bằng giá tối thiểu hàng năm quy định tại BDL, có điểm đánh giá tổng hợp cao nhất thì được xếp thứ nhất. Trường hợp các nhà thầu có điểm đánh giá tổng hợp bằng nhau thì căn cứ vào điểm đánh giá kỹ thuật để xếp hạng.

Nhà thầu được xem xét đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Chương II của HSMT.

Mục 28. Sửa lỗi

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác:

* Giá thuê cố định:

- Trường hợp không nhất quán giữa giá thuê cố định hàng năm và Tổng giá thuê cố định thì lấy giá thuê cố định hàng năm làm cơ sở pháp lý cho việc hiệu chỉnh.

* Giá thuê thay đổi:

- Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Trường hợp đơn giá sai mà số lượng, khối lượng và thành tiền đúng thì lấy thành tiền làm cơ sở pháp lý để xác định đơn giá;

- Trường hợp không nhất quán giữa bảng giá tổng hợp và bảng giá chi tiết thì lấy bảng giá chi tiết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi.

Lỗi số học được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

* Giá thuê cố định:

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Tiếng Việt;

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi;

- Trường hợp có khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số làm cơ sở pháp lý và thực hiện sửa lỗi số học (nếu có) theo quy định tại điểm a khoản này;

- Trường hợp có khác biệt giữa giá ghi trong đơn dự thầu (không kể điều chỉnh giá) và giá trong biểu giá tổng hợp thì căn cứ vào giá ghi trong biểu giá tổng hợp sau khi được hiệu chỉnh và sửa lỗi theo biểu giá chi tiết.

* Giá thuê thay đổi:

- Cột thành tiền được điền vào mà không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng;

- Khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá;

- Nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì được coi là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại khoản 1 Mục 29 Chương này;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Tiếng Việt;

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi;

- Trường hợp có khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số làm cơ sở pháp lý và thực hiện sửa lỗi số học (nếu có) theo quy định tại điểm a khoản này;

- Trường hợp có khác biệt giữa giá ghi trong đơn dự thầu (không kể điều chỉnh giá) và giá trong biểu giá tổng hợp thì căn cứ vào giá ghi trong biểu giá tổng hợp sau khi được hiệu chỉnh và sửa lỗi theo biểu giá chi tiết.

- Lỗi số học được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi sửa.

2. Sau khi sửa lỗi theo nguyên tắc trên, bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu. Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp nhận sửa lỗi nêu trên. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc sửa lỗi thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại.

Mục 29. Hiệu chỉnh các sai lệch

1. Hiệu chỉnh các sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa trong HSDT so với yêu cầu của HSMT. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện như sau:

Trường hợp có những sai lệch về phạm vi cung cấp thì phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, phần chào thừa sẽ được trừ đi theo nguyên tắc nếu không thể tách ra trong giá dự thầu của nhà thầu đang tiến hành sửa sai lệch thì lấy mức giá chào cao nhất đối với nội dung này (nếu chào thiếu) và lấy mức giá chào thấp nhất (nếu chào thừa) trong số các hồ sơ dự thầu khác vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật. Giá trị các sai lệch được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật thì tiến hành sửa sai lệch trên cơ sở lấy mức giá của nhà thầu này (nếu có).

2. Sau khi hiệu chỉnh các sai lệch theo nguyên tắc trên, bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu. Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp nhận hiệu chỉnh các sai lệch nêu trên. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc hiệu chỉnh các sai lệch thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại.

Mục 30. Chuyển đổi sang một đồng tiền chung

Nhà thầu chào giá bằng đồng tiền được quy định trong Mục 13 - BDL. Trường hợp Nhà thầu sử dụng các số liệu đầu vào bằng các loại đồng tiền khác thì phải quy về cùng một đồng tiền chung (được quy định trong Mục 13 - BDL) theo tỷ giá được quy định trong BDL.

Mục 31. Tiếp xúc với bên mời thầu

Trừ trường hợp được yêu cầu làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 24 Chương này, đàm phán hợp đồng (đối với gói thầu có tính chất phức tạp, nếu có), thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình cũng như liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian kể từ thời điểm mở thầu đến khi thông báo kết quả đấu thầu.

E. TRÚNG THẦU

Mục 32. Điều kiện được xem xét đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được xem xét đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có HSDT hợp lệ.

2. Được đánh giá là đáp ứng yêu cầu sơ bộ HSDT theo quy định tại Mục 1 Chương IV của HSMT.

3. Có đề xuất về mặt kỹ thuật được đánh giá là đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương IV của HSMT.

4. Có giá dự thầu hàng năm sau sửa lỗi và hiệu chỉnh cao hơn hoặc bằng giá tối thiểu hàng năm quy định tại BDL.

5. Được xếp hạng thứ nhất theo quy định tại Mục 4 Chương IV của HSMT.

Mục 33. Quyền của bên mời thầu đề xuất chấp nhận, loại bỏ HSDT hoặc hủy đấu thầu

Bên mời thầu được quyền đề xuất chấp nhận, loại bỏ HSDT hoặc hủy đấu thầu trên cơ sở tuân thủ Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Mục 34. Thông báo danh sách xếp hạng nhà thầu và thương thảo hợp đồng

1. Ngay sau khi có quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu, bên mời thầu gửi văn bản thông danh sách xếp hạng nhà thầu tới các nhà thầu tham dự thầu.

2. Bên mời thầu gửi thông báo danh sách xếp hạng nhà thầu tới các nhà thầu được xếp hạng kèm theo dự thảo hợp đồng theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư này đã được ghi các thông tin cụ thể của gói thầu và kế hoạch thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm và những vấn đề cần trao đổi khi thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trường hợp nhà thầu được mời đến thương thảo hợp đồng nhưng không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:

a) Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu;

b) HSDT và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có) của nhà thầu;

c) HSMT.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT;

b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

4. Nội dung thương thảo, hoàn thiện hợp đồng bao gồm các vấn đề còn tồn tại, chưa hoàn chỉnh, chi tiết hóa các nội dung còn chưa cụ thể, đặc biệt là việc áp giá đối với những sai lệch trong HSDT. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng cũng bao gồm cả việc xem xét các sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, phương án khai thác thay thế hoặc bổ sung do nhà thầu đề xuất (nếu có), đề xuất trong HSDT hoặc do Bên mời thầu phát hiện sau khi phát hành HSMT.

Trường hợp thương thảo hoàn thiện hợp đồng không thành thì bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy kết quả đấu thầu trước đó và quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đàm phán hợp đồng. Trong trường hợp này bên mời thầu sẽ yêu cầu Nhà thầu gia hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu (nếu cần).

Mục 35. Thông báo kết quả đấu thầu và ký kết hợp đồng

1. Sau khi đạt được kết quả thương thảo hợp đồng, chủ đầu tư sẽ ra quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu.

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả đấu thầu tới các nhà thầu tham dự thầu (bao gồm cả nhà thầu trúng thầu và nhà thầu không trúng thầu). Trong thông báo kết quả đấu thầu, bên mời thầu không phải giải thích lý do đối với nhà thầu không trúng thầu.

2. Bên mời thầu gửi thông báo trúng thầu bằng văn bản tới nhà thầu trúng thầu kèm theo dự thảo hợp đồng theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư này đã được ghi các thông tin cụ thể của gói thầu và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm và những vấn đề cần trao đổi khi hoàn thiện hợp đồng.

3. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Bên mời thầu và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Trong trường hợp liên danh, hợp đồng được ký kết phải bao gồm chữ ký của tất cả các thành viên trong liên danh.

Mục 36. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 7 Chương VI của HSMT để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng. Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

Mục 37. Bảo đảm thuê

Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thuê quy định tại Điều 7 Chương VI của HSMT để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng. Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thuê trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

Mục 38. Kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu tham dự thầu có quyền kiến nghị về kết quả đấu thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình đấu thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Kiến nghị về những vấn đề trong quá trình đấu thầu mà không phải về kết quả đấu thầu được giải quyết như sau:

a) Nhà thầu kiến nghị bằng văn bản trong khoảng thời gian từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả đấu thầu;

b) Đơn kiến nghị phải được gửi trước tiên đến Bên mời thầu theo tên, địa chỉ nêu tại BDL. Bên mời thầu có trách nhiệm giải quyết kiến nghị bằng văn bản trong thời hạn tối đa là 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn kiến nghị;

c) Trường hợp bên mời thầu không giải quyết được hoặc nhà thầu không đồng ý với giải quyết của Bên mời thầu thì nhà thầu được quyền gửi đơn kiến nghị đến chủ đầu tư theo tên, địa chỉ nêu tại BDL để xem xét, giải quyết. Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết kiến nghị bằng văn bản trong thời hạn tối đa là 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn kiến nghị;

d) Trường hợp chủ đầu tư không giải quyết được hoặc nhà thầu không đồng ý với giải quyết của chủ đầu tư thì nhà thầu được quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền theo tên, địa chỉ nêu tại BDL để xem xét, giải quyết. Người có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết kiến nghị bằng văn bản trong thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn kiến nghị.

3. Kiến nghị về kết quả đấu thầu được giải quyết như sau:

a) Nhà thầu kiến nghị bằng văn bản trong thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả đấu thầu;

b) Theo trình tự quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Mục này;

c) Trường hợp chủ đầu tư không giải quyết được hoặc nhà thầu không đồng ý với giải quyết của chủ đầu tư thì nhà thầu được quyền gửi đơn kiến nghị đồng thời đến người có thẩm quyền và Chủ tịch Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị để xem xét, giải quyết.

Nhà thầu phải nộp một khoản chi phí là 0,01% giá dự thầu nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng cho bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn nêu tại BDL. Trường hợp nhà thầu có kiến nghị được kết luận là đúng thì chi phí do nhà thầu nộp sẽ được hoàn trả bởi cá nhân, tổ chức có trách nhiệm liên đới.

d) Hội đồng tư vấn phải có báo cáo kết quả làm việc gửi người có thẩm quyền trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn kiến nghị. Trong thời hạn tối đa là 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được báo cáo kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn, người có thẩm quyền phải ra quyết định giải quyết kiến nghị của nhà thầu.

4. Khi có kiến nghị, nhà thầu có quyền khởi kiện ngay ra Tòa án. Trường hợp nhà thầu lựa chọn cách giải quyết không khởi kiện ra Tòa án thì thực hiện kiến nghị theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Mục này.

Mục 39. Xử lý vi phạm trong đấu thầu

1. Trường hợp nhà thầu có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Đấu thầu và các quy định khác của pháp luật liên quan.

2. Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời sẽ được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng tải trên Báo Đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu, để theo dõi, tổng hợp và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định xử lý vi phạm được thực hiện ở bất kỳ địa phương, ngành nào đều có hiệu lực thi hành trên phạm vi cả nước và trong tất cả các ngành.

4. Nhà thầu bị xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu có quyền khởi kiện ra Tòa án về quyết định xử lý vi phạm.

Chương III
BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

Bảng dữ liệu đấu thầu bao gồm các nội dung chi tiết của gói thầu theo một số mục tương ứng trong Chương II (Yêu cầu về thủ tục đấu thầu). Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào so với các nội dung tương ứng trong Chương II thì căn cứ vào các nội dung trong Chương này.

Mục	Khoản	Nội dung
1	1	- Tên gói thầu:..... *[Ghi tên gói thầu theo kế hoạch đấu thầu được duyệt]* - Tên dự án:..... *[Ghi tên dự án được duyệt]* - Chủ đầu tư:..... *[Ghi tên chủ đầu tư]* - Đại diện chủ đầu tư:..... *[Ghi tên đại diện chủ đầu tư]* - Bên mời thầu:..... *[Ghi tên bên mời thầu]* - Phạm vi công việc chủ yếu:..... *[Ghi nội dung yêu cầu]*
	2	Thời gian thực hiện hợp đồng:..... *[Ghi thời gian cụ thể theo kế hoạch đấu thầu được duyệt]*
	3	Nguồn vốn để thực hiện gói thầu:..... *[Ghi cụ thể theo kế hoạch đấu thầu được duyệt]*
2	1	Tư cách hợp lệ của nhà thầu: - Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp; - Hoạch toán tài chính độc lập; - Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; - Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; - Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 của Luật Đấu thầu; - Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu; - Có tên trong danh sách ngắn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn;

Mục	Khoản	Nội dung
		- Phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước đối với nhà thầu nước ngoài khi tham dự thầu quốc tế tại Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ phần công việc nào của gói thầu.
	2	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu: *[Căn cứ tính chất của gói thầu mà nêu yêu cầu trên cơ sở tuân thủ nội dung về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu quy định tại Điều 6 Luật đấu thầu, Điều 2 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP].*
3		- Địa chỉ bên mời thầu:..... *[Ghi địa chỉ, điện thoại, fax, email của bên mời thầu]* - Thời gian nhận được văn bản yêu cầu giải thích làm rõ HSMT không muộn hơn..... ngày trước thời điểm đóng thầu. *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà ghi số ngày cụ thể cho phù hợp]*
4		Bên mời thầu tạo điều kiện cho nhà thầu đi khảo sát hiện trường: *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà ghi* "Có" *hoặc* "*Không*". *Trường hợp bên mời thầu hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường thì ghi rõ thời gian, địa điểm.]*
5		Tài liệu sửa đổi HSMT sẽ được bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà thầu mua HSMT trước thời điểm đóng thầu tối thiểu..... ngày *[Ghi số ngày cụ thể, nhưng phải đảm bảo đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT và không được quy định ít hơn 10 ngày].*
6		Ngôn ngữ sử dụng:..... *[Ghi cụ thể ngôn ngữ sử dụng. Đối với đấu thầu trong nước, ghi* "Tiếng Việt". *Đối với đấu thầu quốc tế, trường hợp HSMT bằng tiếng Anh thì ghi* "Tiếng Anh"; *HSMT bằng tiếng Anh và tiếng Việt thì quy định* "Nhà thầu có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDT căn cứ vào nội dung của bản HSMT bằng tiếng Anh". *Đối với các tài liệu khác có liên quan thì cần yêu cầu giới hạn trong một số loại ngôn ngữ thông dụng, nếu nhà thầu sử dụng ngôn ngữ khác thì yêu cầu phải có bản dịch sang ngôn ngữ cùng với ngôn ngữ của HSDT].*
7		Các nội dung khác:..... *[Ghi các nội dung khác, nếu có].*

Mục	Khoản	Nội dung
8		Thay đổi tư cách tham dự thầu:..... *[Ghi quy định về thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với khi phê duyệt danh sách nhà thầu mời tham gia đấu thầu hoặc khi mua HSMT].* *Đối với đấu thầu rộng rãi thì quy định* "Nhà thầu cần gửi văn bản thông báo về việc thay đổi tư cách tham gia đấu thầu (nếu có) đến bên mời thầu và bên mời thầu phải nhận được văn bản trước thời điểm đóng thầu." *Đối với đấu thầu hạn chế thì quy định:* "Nhà thầu cần gửi văn bản thông báo về việc thay đổi tư cách tham gia đấu thầu (nếu có) đến bên mời thầu. Bên mời thầu chỉ xem xét khi nhận được văn bản thông báo của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu tối thiểu..... *[Ghi số ngày]*[1] ngày. Việc thay đổi tư cách tham gia đấu thầu là hợp lệ khi có chấp thuận của chủ đầu tư trước thời điểm đóng thầu bằng văn bản. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu gửi văn bản chấp thuận bằng fax, e-mail trước, bản gốc được gửi theo đường bưu điện. Trường hợp không chấp thuận việc thay đổi tư cách tham gia đấu thầu của nhà thầu thì bên mời thầu sẽ nêu rõ lý do phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu"*].*
9		Tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền:..... *[Ghi cụ thể văn bản pháp lý mà nhà thầu phải gửi để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền như bản sao Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh đã được chứng thực...]*
10		Việc xem xét phương án quản lý, khai thác thay thế trong quá trình đánh giá HSDT:..... *[Căn cứ tính chất của gói thầu mà ghi "Có" hoặc "Không"].*
11	1	Đơn giá dự thầu tối thiểu *[ghi có thuế VAT hay chưa có thuế VAT]* bao gồm: - Giá thu cố định trong..... năm *[ghi thời gian yêu cầu]* là..., *[ghi giá thuê bằng số, bằng chữ]* cụ thể như sau:

[1] *Thông thường tối thiểu là 3 ngày trước ngày đóng thầu.*

<table>
<tr><th>Mục</th><th>Khoản</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><th>STT</th><th>Năm</th><th>Giá thu cố định
(đơn vị tính/năm)</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Năm thứ 1</td><td>...</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Năm thứ 2</td><td>...</td></tr>
<tr><td>...</td><td>....</td><td>...</td></tr>
<tr><td></td><td>Tổng</td><td>...</td></tr>
</table>
- Giá thu thay đổi bằng tỷ lệ phần trăm (%) doanh thu khai thác tài sản cho thuê hàng năm [căn cứ vào quyết định phê duyệt giá của cấp có thẩm quyền mà quy định cụ thể cho phù hợp với gói thầu].
</td></tr>
<tr><td></td><td>2</td><td>Một số thông số cơ bản làm cơ sở tính giá khởi điểm:
- Giá trị tài sản cho thuê:..... [ghi rõ giá trị tài sản gồm giá trị kết cấu hạ tầng, giá trị thiết bị, giá trị cho thuê khác].
- Thời gian khấu hao: Cơ sở hạ tầng, bến cảng, cầu cảng và thiết bị (nếu có):..... [ghi rõ thời gian].
- Thời hạn cho thuê:..... [ghi rõ thời gian].</td></tr>
<tr><td>12</td><td></td><td>Đồng tiền dự thầu:..... [ghi rõ đơn vị đồng tiền].
[Ghi đồng tiền dự thầu. Tùy theo yêu cầu của gói thầu mà quy định việc cho phép và điều kiện áp dụng để nhà thầu chào theo một hoặc một số đồng tiền khác nhau, ví dụ: VND, USD... Trường hợp cho phép chào bằng ngoại tệ thì phải yêu cầu nhà thầu chứng minh được nội dung công việc sử dụng ngoại tệ kèm theo bản liệt kê chi tiết nội dung công việc và giá trị ngoại tệ tương ứng, song phải đảm bảo nguyên tắc một đồng tiền cho một khối lượng cụ thể; các loại chi phí trong nước phải được chào thầu bằng đồng Việt Nam].</td></tr>
<tr><td>13</td><td>1</td><td>Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:
[Nêu yêu cầu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của khoản 1 Mục 2 của BDL này, ví dụ như bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh...].</td></tr>
</table>

Mục	Khoản	Nội dung
	2	Các tài liệu khác chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu - Năng lực về tài chính:..... - Kinh nghiệm:..... *[Căn cứ vào quy mô tính chất gói thầu mà quy định cụ thể].*
	3	Sử dụng lao động nước ngoài: *[Chỉ quy định mục này khi gói thầu có yêu cầu về sử dụng lao động nước ngoài. Ghi "Nhà thầu kê khai trong HSDT số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của cán bộ kỹ thuật, chuyên gia nước ngoài huy động để thực hiện gói thầu nếu cần thiết. Nhà thầu không được sử dụng lao động nước ngoài thực hiện công việc mà lao động trong nước có khả năng thực hiện và đáp ứng yêu cầu của gói thầu, đặc biệt là lao động phổ thông, lao động không qua đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ. Lao động nước ngoài phải có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về lao động"].*
14	1	Nội dung yêu cầu về bảo đảm dự thầu: - Hình thức bảo đảm dự thầu *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể hình thức bảo đảm dự thầu theo một hoặc nhiều biện pháp: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo đảm của ngân hàng, tổ chức tài chính. Nếu yêu cầu nộp thư bảo đảm của ngân hàng, tổ chức tài chính thì bảo đảm phải do một ngân hàng, tổ chức tài chính phát hành đảm bảo nội dung quy định tại Mẫu số 15 Chương V. Trường hợp bảo đảm một ngân hàng, tổ chức tài chính ở nước ngoài phát hành thì phải phát hành thông qua chi nhánh tại Việt Nam hoặc phải được một ngân hàng của Việt Nam có quan hệ đại lý với ngân hàng, tổ chức tài chính phát hành xác nhận trước khi gửi bên mời thầu. Nếu cho phép nhà thầu được thực hiện bảo đảm dự thầu theo biện pháp đặt cọc, ký quỹ thì nêu rõ cách thực hiện].* - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu:..... *[Ghi cụ thể giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định giá trị bảo đảm dự thầu không quá 3% giá gói thầu].*

Mục	Khoản	Nội dung
		- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu:..... ngày *[ghi rõ thời gian]* kể từ thời điểm đóng thầu. *[Ghi rõ số ngày, được xác định bằng toàn bộ thời gian có hiệu lực của HSDT cộng thêm 30 ngày]*.
	2	Thời gian hoàn trả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không trúng thầu: Trong thời hạn tối đa..... ngày kể từ ngày thông báo kết quả đấu thầu. *[Ghi rõ số ngày, nhưng không quá 30 ngày]*.
15		Thời gian có hiệu lực của HSDT là..... ngày, kể từ thời điểm đóng thầu. *[Ghi rõ số ngày tùy thuộc quy mô, tính chất của gói thầu, nhưng không được quá 180 ngày. Ví dụ: Thời gian có hiệu lực của HSDT là 30 ngày kể từ 10 giờ sáng ngày 01/10/2013 có nghĩa là: HSDT có hiệu lực từ 10 giờ sáng ngày 01/10/2013 đến 24 giờ ngày 30/10/2013]*.
16		Số lượng HSDT phải nộp: - 01 bản gốc; - ..... bản chụp; - ..... đĩa CD hoặc USB chứa dữ liệu (*dữ liệu trong đĩa CD hoặc USB là toàn bộ nội dung HSDT đã thể hiện trong bản giấy, định dạng word, acrobat. Riêng các bảng tính excel thì nhà thầu phải cung cấp file excel được giữ nguyên công thức tính toán*). *[Ghi rõ số lượng yêu cầu nhưng không quá 05 bản chụp và 02 đĩa CD hoặc USB]*.
17		Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT:..... *[Nêu cụ thể cách trình bày. Ví dụ: Nhà thầu phải ghi rõ các thông tin sau trên túi đựng HSDT:* - Tên, địa chỉ, điện thoại của nhà thầu:..... - Địa chỉ nộp HSDT:..... *[Ghi tên, địa chỉ của bên mời thầu]* - Tên gói thầu:..... *[Ghi tên gói thầu]* - Không được mở trước..... giờ, ngày..... tháng..... năm..... *[Ghi thời điểm mở thầu]* *[Trường hợp sửa đổi HSDT, ngoài các nội dung nêu trên còn phải ghi thêm dòng chữ "Hồ sơ dự thầu sửa đổi"]*

Mục	Khoản	Nội dung
18		Thời điểm đóng thầu:..... giờ, ngày.... tháng.... năm..... *[Ghi thời điểm đóng thầu căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu cho phù hợp, đảm bảo quy định thời gian từ khi phát hành HSMT đến thời điểm đóng thầu tối thiểu là 20 ngày đối với đấu thầu trong nước, 40 ngày đối với đấu thầu quốc tế].*
19		Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc..... giờ, ngày..... tháng.... năm...., tại (tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email...) *[Ghi ngày, giờ và địa điểm tiến hành việc mở thầu, trong đó cần lưu ý quy định thời điểm mở thầu sao cho bảo đảm việc mở thầu phải tiến hành ngay sau thời điểm đóng thầu].*
20	1	Các phụ lục, tài liệu kèm theo HSDT:..... *[Nêu các yêu cầu khác (nếu có) căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu về tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSDT.]*
	2	**HSDT của nhà thầu sẽ bị loại bỏ nếu thuộc một trong các điều kiện tiên quyết sau:** a) Không có tên trong danh sách mua HSMT hoặc chưa mua HSMT trước khi HSDT được tiếp nhận; b) Nhà thầu không bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Mục 2 BDL; c) Không có bảo đảm dự thầu hoặc có bảo đảm dự thầu nhưng không hợp lệ theo quy định tại Mục 16 Chương II của HSMT; d) Không có bản gốc HSDT; đ) Đơn dự thầu không hợp lệ theo quy định tại Mục 11 Chương II của HSMT; e) Hiệu lực của HSDT không đảm bảo..... ngày, kể từ ngày đóng thầu; g) HSDT chào thầu theo nhiều mức giá hoặc giá có kèm điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư; h) Nhà thầu có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh); i) Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm trong đấu thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu;

Mục	Khoản	Nội dung
		k) Có đề xuất hạn chế đến quyền lợi của chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu đã yêu cầu trong HSMT. *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu có thể quy định thêm các điều kiện tiên quyết khác có tính đặc thù của gói thầu]*.
21		Đồng tiền quy đổi là đồng Việt Nam theo tỷ giá bán ra do một ngân hàng thương mại[2]..... *[Ghi tên ngân hàng thương mại có uy tín mà căn cứ vào tỷ giá do ngân hàng đó công bố để quy đổi]* công bố vào ngày..... *[Ghi ngày, thông thường tối thiểu 5 ngày trước ngày đóng thầu]*.
22		Nhà thầu phải gửi văn bản chấp thuận vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn tối đa..... ngày *[Ghi rõ số ngày nhưng không quá 30 ngày]*, kể từ ngày thông báo trúng thầu.
23	1	Địa chỉ nhận HSDT và đơn kiến nghị: a) Địa chỉ của chủ đầu tư:..... *[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại và email liên hệ]* b) Địa chỉ của bên mời thầu:..... *[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại và email liên hệ]* c) Địa chỉ của người có thẩm quyền:..... *[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại và email liên hệ]*
	2	Bộ phận thường trực giúp việc của HĐTV:..... *[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ]*

[2] *Có thể quy định "tỷ giá bán ra trung bình của 2 - 3 ngân hàng thương mại lớn, có uy tín" làm tỷ giá để quy đổi.*

(Xem tiếp Công báo số 857 + 858)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng